

QUÁN TRIỆT TƯ TƯỞNG HỒ CHI MINH VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN TRONG VIỆC SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP NĂM 1992 Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN MẠNH BÌNH ⁽¹⁾

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng “*Khẩn trương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2001) phù hợp với tình hình mới*” và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã xin báo cáo Quốc hội về việc triển khai thực hiện chủ trương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992. Nhằm cụ thể hóa quán triệt quan điểm sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Nghị quyết hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI nhấn mạnh: “Việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 cần tập trung vào các nội dung, định hướng quan trọng là tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa và sâu sắc hơn chủ trương phát huy dân chủ, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ tri thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo”

Theo tinh thần đó, việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 phải căn cứ vào bản chất của Nhà nước ta. Vì thế nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do

nhân dân, vì nhân dân, là vấn đề cực kỳ quan trọng và cần thiết

1. Tư tưởng Hồ chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân được thể hiện với những nội dung như sau

Thứ nhất, Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước thật sự của nhân dân. Tính chất dân chủ nhân dân, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trở thành nguyên tắc “gốc có vững, cây mới bền” trong tổ chức, xây dựng Nhà nước kiểu mới.

Phương thức tiếp cận của nội hàm dân chủ trước hết thể hiện vị thế của người dân trong nhà nước “dân chủ là dân làm chủ” súc tích, gọn gọn, nhưng có ý nghĩa khái quát cao, thể hiện quá trình tư tưởng tiến bộ của loài người trong vấn đề dân chủ.

Phương thức dân chủ có giá trị phổ quát, xác định rõ dân là gốc của nước. Tính chất dân chủ là đặc trưng nhà nước xã hội chủ nghĩa. Khẳng định nguồn gốc, sức mạnh, chủ thể quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thể chế chính trị dân chủ cộng hòa làm thay đổi tận gốc quan hệ giữa quyền lực chính trị và thực thi quyền lực chính trị. Nhà nước không còn là lực lượng thống trị, cai trị dân.

Nhà nước dân chủ nhân dân theo tư tưởng của Hồ Chí Minh là một nhà nước do nhân dân

¹ TS. Trường khoa Nhà nước và pháp luật, Trường Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân. Điều 1 Hiến pháp năm 1946 tuyên bố rõ: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”². Như vậy, tất cả mọi người dân Việt Nam, đều là chủ của Nhà nước, có trách nhiệm xây dựng Nhà nước.

Với quan điểm triệt để, dứt khoát Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, bao nhiêu quyền hạn đều của dân... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở dân.”³. Nhà nước phải dựa vào dân, sức mạnh của bất nguồn từ sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Trên nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, không chỉ khẳng định nguồn gốc quyền lực thuộc về nhân dân, mà còn thể hiện nguồn gốc sức mạnh của nhà nước cũng thuộc về nhân dân. Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân là người có địa vị cao nhất, vận dụng quan điểm của Nho giáo: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, trên nền tảng phương pháp luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân”. Chỉ có nhân dân là người nắm giữ địa vị tối cao quyền lực nhà nước, mới có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước; của quốc gia; của dân tộc; nhân dân là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước.

Thứ hai, theo tư tưởng Hồ Chí Minh Nhà nước là do nhân dân ủy quyền và giám sát quyền lực nhà nước.

Để thực thi quyền làm chủ của mình, nhân dân thông qua việc tổ chức, xây dựng thành các cơ quan nhà nước bằng hình thức tổng tuyển cử phổ thông, đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Đối với dân, khi trao quyền, ủy thác quyền lực cho Nhà nước, cho cán bộ, công chức thì phải tin tưởng, phải cho họ có quyền thì

mới thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, mới làm lợi cho dân, trừ hại cho nhân dân, người cầm quyền do nhân dân ủy quyền, muốn làm tròn bổn phận của mình thì phải để dân tin, dân phục, dân yêu. Muốn vậy phải biết gần dân, sát dân, lắng nghe dân, hiểu được ý nguyện của dân.

Tổng tuyển cử là một trong những quyền chính trị cao nhất, mà nhân dân giành được qua đấu tranh cách mạng, là hình thức dân chủ, thể hiện quyền hành và lực lượng ở nơi dân và thực hành dân chủ của nhân dân “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà... Do tổng tuyển cử mà nhân dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ, Chính phủ thực sự của dân”⁴. Ngoài ra, Hội đồng nhân dân được xem như là cơ quan “tự quản” của nhân dân do nhân dân địa phương bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa, quan hệ giữa người dân với người cầm quyền đã thay đổi triệt để, tận gốc, thể hiện rõ bản chất dân chủ thực sự, người cầm quyền do nhân dân ủy quyền, là “công bộc” của dân, thay mặt dân để giải quyết các yêu cầu, ý nguyện của người dân và lợi ích chung của xã hội. Hồ Chí Minh lưu ý rằng: “Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có mục đích là phụng sự cho lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân.”⁵.

Bởi thế, “Tất cả nhân dân ta phải hiểu sâu sắc rằng nước nhà là nước nhà của nhân dân, nhân dân ta là người chủ nước nhà. Quyền làm chủ đó là do cách mạng thành công và kháng chiến thắng lợi đem lại cho nhân dân ta. Dân là chủ, thì mọi người, mọi dân tộc phải chung sức làm cho dân giàu, làm cho đời sống của nhân dân

² *Hiến pháp Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.8

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 698

⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 334

⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 361

được cải thiện, làm cho con, cháu ta ngày càng sung sướng”⁶.

Nhà nước do dân, nghĩa là nhà nước do nhân dân lập nên; “chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra”⁷. Nhà nước do nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân. Nhà nước do dân là nhân dân tham gia vào công việc của nhà nước thông qua cơ quan đại diện để thực hiện quản lý nhà nước. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, nhưng không phải Quốc hội là cơ quan nắm toàn bộ quyền lực nhà nước, những vấn đề liên quan đến vận mệnh quốc gia phải đưa ra nhân dân phúc quyết. Chế độ trưng cầu dân ý được thể hiện trong thời kỳ đó là một tiến bộ vượt bậc về tư tưởng, đặt nền tảng quyền hành và lực lượng ở nơi dân thông qua tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh, quyền lực tối cao của nhân dân, đó không chỉ thể hiện việc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân, mà còn kiểm soát, giám sát hoạt động các đại biểu thông qua bãi nhiệm. Những năm đầu thế kỷ XX Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao giá trị có ý nghĩa của toàn nhân loại thông qua cách mạng Mỹ 1776: “Giời sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ Chính phủ nào làm hại cho dân, thì phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây nên Chính phủ khác...”⁸.

Cơ chế bãi nhiệm nhằm làm cho Quốc hội và Hội đồng nhân dân thực sự trong sạch, giữ vững phẩm chất, năng lực hoạt động, thực sự là người có uy tín để nhân dân ủy quyền. Hồ Chí Minh nêu rõ “Nhân dân có quyền bãi nhiệm đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân đối với nhà nước”⁹.

Với vai trò đại diện của nhân dân, thực hiện sự ủy quyền của nhân dân, các đại biểu phải có trách nhiệm gần gũi, sâu sát dân để hiểu dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, với tinh thần trách nhiệm thảo luận và giải quyết công việc liên quan đến thiết thực cho quốc kế dân sinh. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh mối quan hệ giữa nhân dân với các đại biểu do nhân dân ủy quyền như “máu với thịt”; thoát ly khỏi mối liên hệ này, Nhà nước sẽ rơi vào quan liêu, trì trệ, trái với bản chất dân chủ đích thực vốn có của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Là người chủ đất nước, nhân dân không những có quyền thực hiện quyền làm chủ của mình, mà còn có nghĩa vụ trách nhiệm xây dựng và bảo vệ Nhà nước, làm cho Nhà nước ngày càng hoàn thiện, trong sạch và sáng suốt. Người cho rằng “Chế độ ta là chế độ dân chủ, nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to, việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân có nhiệm vụ giúp đỡ chính phủ, theo đúng kỷ luật của Chính phủ và làm đúng chính sách của Chính phủ, để Chính phủ làm tròn bổn phận mà nhân dân giao phó”¹⁰.

Ý thức làm chủ, phải thực hiện nghĩa vụ, phải trở thành hành động tự giác của mỗi người dân, trong từng việc cụ thể và hàng ngày. Hồ Chí Minh nhắc nhở rằng: “Đã là người chủ Nhà nước thì phải chăm lo việc nước, chăm lo việc nhà. Người công nhân yêu quý máy móc như yêu quý con của mình, người nông dân yêu quý trâu, bò của hợp tác xã như bản thân mình. Mọi người phải biết giữ gìn của công, phải chăm lo việc tập thể như chăm lo việc gia đình.

Đã là người chủ phải biết tự mình lo toan, gánh vác, không ỷ lại, không ngồi chờ. Mọi người phải ra sức góp công, góp sức để xây dựng nước nhà. Chớ nên “ăn cổ đi trước, lợi nước theo

⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 334

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 5, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 2002, tr.698

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995, tr.242

⁹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 591

¹⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 368

¹¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 310

sau”¹¹.

Thứ ba, Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước vì nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước phụng sự nhân dân,

thực hiện dân chủ thực tế và hành động vì nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”¹². Đó là tiêu chí quan trọng hàng đầu để Hồ Chí Minh lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa, lựa chọn cách thức tổ chức; phương thức hoạt động cụ thể của Nhà nước, Nhà nước phụng sự nhân dân nghĩa là: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân, ta phải hết sức tránh”¹³.

Đem lại lợi ích cho dân nhân, chăm lo mọi mặt đời sống và thỏa mãn các nhu cầu thiết yếu hàng ngày của người dân là cách thức tốt nhất phụng sự nhân dân. Vai trò của Nhà nước trong việc chăm lo đời sống của nhân dân được Hồ Chí Minh đề cập trên mọi bình diện, trong mối quan hệ chủ yếu nhất. Hồ Chí Minh viết: “Tục ngữ có câu: “Dân dĩ thực vi thiên”, nghĩa là dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn là không có trời. Lại có câu: “Có thực mới vực được đạo”, nghĩa là không có ăn thì chẳng làm được việc gì cả”.

Vì thế, Nhà nước phụng sự nhân dân, lấy lợi ích của nhân dân làm khuôn thước. Tư tưởng này được Hồ Chí Minh xây dựng trên một triết lý phát triển thể hiện đúng bản chất nhân văn: Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

Bản chất dân chủ của Nhà nước Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh được Đại hội XI xác định rất rõ: “Nhà nước là đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều phản ánh lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách

nhiệm tham gia hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước”¹⁴.

Tư tưởng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân của Hồ Chí Minh được thể hiện nhất quán trong mọi hoàn cảnh, trong suốt cuộc đời của Bác. Trong những năm đầu của cách mạng, Hồ Chí Minh đã chỉ ra nhiệm vụ của Nhà nước là: “Về mặt kinh tế là mở mang công nghiệp và nông nghiệp quản lý cơ sở sản xuất, thực hành chính sách thuế quan phù hợp, chia ruộng đất cho dân cày nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Về mặt xã hội, dân chúng được tự do dân chủ, nam nữ bình quyền. Về văn hóa, thực hành giáo dục toàn dân, xây dựng nền văn hóa mới. Bảo vệ Tổ quốc, tổ chức quân đội công- nông”¹⁵.

2. Sửa đổi Hiến pháp năm 1992 cần quá triệt sâu sắc những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân vì dân để làm được điều ấy, theo chúng tôi cần chú ý một số vấn đề sau đây:

Một là, Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 nhằm bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Đây là quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo công cuộc cải cách, xây dựng bộ máy nhà nước trong thời kỳ đổi mới, thể hiện sự phát triển về nhận thức và lý luận của Đảng và Nhà nước ta, trong quá trình tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Vấn đề này cho đến nay trong nhận thức lý luận ở Việt Nam chỉ dừng lại quan niệm cho rằng quyền lực thuộc về một giai cấp hay liên minh giai cấp, xét từ bản chất giai cấp thì quyền lực nhà nước bao giờ cũng nằm trong tay giai cấp cầm quyền. Ở nước ta quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân; trong đó giai cấp công nhân đại diện quan hệ sản xuất tiến bộ do

¹² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 698

¹³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 57

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 44.

¹⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 1

Đảng lãnh đạo, nên lợi ích giữa các giai cấp; dân tộc thống nhất về cơ bản. Vì vậy, quyền lực nhà nước thống nhất không phân chia, nhấn mạnh quyền lực nhà nước thống nhất để khẳng định nhà nước ta không có sự phân chia quyền lực, là để phủ nhận đối với nguyên tắc phân quyền trong nhà nước tư bản.

Tuy nhiên, đây là vấn đề lý luận sâu sắc, cần phải tìm hiểu và vận dụng một cách đầy đủ và nhất quán trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, các khía cạnh của vấn đề quyền lực nhà nước: thế nào là thống nhất quyền lực? quyền lực thống nhất ở đâu? Ý nghĩa của quyền lực nhà nước thống nhất trong tổ chức và hoạt động như thế nào?, các khía cạnh này cần phải làm sáng tỏ về phương diện lý luận và nhận thức. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, nhân dân ủy quyền của mình cho Quốc hội, cho chính phủ và cho cơ quan tư pháp, chứ không phải nhân dân trao hết quyền lực nhà nước cho Quốc hội, rồi Quốc hội trao cho Chính phủ và các cơ quan tư pháp. Theo Hiến pháp năm 1992 Điều 84 nhân dân chỉ trao cho Quốc hội ba nhóm quyền hạn và nhiệm vụ về lập hiến, lập pháp, thực hiện quyền giám sát tối cao, về quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Quan niệm đó hoàn toàn phù hợp với dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bởi vì, dân chủ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước không chỉ thông qua dân chủ đại diện mà còn có dân chủ trực tiếp, trong đó có trưng cầu dân ý. Có như vậy, nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mới đúng, mới bảo đảm thực hiện đầy đủ, không hình thức. Như vậy, thống nhất quyền lực nhà nước được hiểu toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân ở nhân dân chứ không phải thuộc về Quốc hội, quan niệm đó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Trước hết điều đó chỉ ra rằng quyền lực nhà nước là quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đều có chung một nguồn gốc thống nhất là thuộc về nhân dân, đều do nhân dân ủy quyền, trao quyền. Do vậy, nói quyền lực nhà

nước là thống nhất trước hết là thống nhất ở mục tiêu chính trị, nội dung chính trị của nhà nước, cả ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp có chức năng nhiệm vụ và quyền hạn khác nhau nhưng đều thống nhất ở mục tiêu chính trị chung là xây dựng một đất nước “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” như Đảng ta đã chỉ ra.

Quan niệm quyền lực nhà nước là thống nhất nói lên cách thức tổ chức quyền lực nhà nước đề cao trách nhiệm trước nhân dân, hạn chế dựa dẫm, ỷ lại trong việc thực hiện quyền hạn mà nhân dân ủy quyền. Đó là, cơ sở để không có chỗ cho các yếu tố cực đoan, đối lập, thiếu trách nhiệm trong mối quan hệ giữa các quyền, nhất là giữa các quyền lập pháp với hành pháp. Đồng thời, đó là điều kiện để hình thành cơ chế kiểm soát, nhận xét, xem xét, đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của các quyền từ bên trong tổ chức quyền lực nhà nước, cũng như bên ngoài của nhân dân.

Như vậy, quyền lực nhà nước là thống nhất và tập trung ở nhân dân, chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước, là quan niệm đúng, có ý nghĩa chỉ đạo tổ chức quyền lực nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Mọi biểu hiện xa rời quan điểm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân sẽ đưa đến tổ chức quyền lực nhà nước kém hiệu quả.

Hai là, quan niệm đúng đắn về phân công, phối hợp và kiểm soát trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp

Trong chế độ dân chủ và pháp quyền thì quyền lực nhà nước không phải quyền lực tự có của nhà nước mà quyền lực được nhân dân ủy quyền. Nhân dân ủy thác, vì quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhưng nhân dân không trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước của mình mà giao cho người khác, đó là nhà nước. Mặt khác khi ủy quyền cho nhà nước, quyền lực nhà nước thường vận động có xu hướng tự phủ định mình, trở thành đối lập với chính mình lúc ban đầu (từ nhân dân là số đông chuyển cho một số ít của

một nhóm người hoặc của một người). Các-Mác gọi hiện tượng này là “sự tha hóa quyền lực nhà nước”. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân giao cho các cơ quan nhà nước, suy cho cùng là giao cho con người cụ thể thực thi quyền lực được nhân dân ủy quyền, mà con người thì “luôn luôn chịu sự ảnh hưởng của các loại tình cảm và dục vọng đối với các hành động của con người, điều đó khiến cho lý tính đôi khi bị chìm khuất”¹⁶. Đặc biệt là khi lý tính bị chi phối bởi các dục vọng, thói quen hay tình cảm thì khả năng sai lầm trong khi thực hiện quyền lực nhà nước càng lớn. Hơn nữa, “với bản tính vị kỷ con người thường bị điều khiển bởi khát vọng, trong đó khát vọng về quyền lực vừa là mục tiêu, vừa là công cụ để đạt khát vọng đó”¹⁷. Tính quy luật của xã hội, bất kỳ quyền lực nào cũng có khuynh hướng lạm quyền, quyền lực nhà nước cũng nằm trong quy luật đó, hơn nữa quyền lực nhà nước thể hiện tính công quyền, quyền lực công cộng, vì nó là loại quyền lực cưỡng chế nhà nước. Vì vậy, trong bản thân nó chứa đựng khả năng lạm quyền, chuyên quyền khả năng trở thành hiện thực: “Quyền lực có xu hướng tham nhũng. Quyền lực tuyệt đối thì tham nhũng cũng tuyệt đối. Bởi vì, với đặc điểm của con người, không thể khẳng định người được ủy quyền luôn luôn đúng, làm những gì mà người dân ủy quyền với người được ủy quyền. Vì vậy kiểm soát quyền lực nhà nước là nhu cầu khách quan từ phía người ủy quyền đối với người được ủy quyền. Hơn nữa quyền lực nhà nước không phải là một đại lượng có thể cân, đong, đo, đếm được một cách rạch ròi, vì nó là một thể thống nhất, như nói ở phần trên. Điều đó, càng phải đòi hỏi kiểm soát quyền lực nhà nước để hạn chế sự lạm quyền, lạm quyền, mâu thuẫn, chông chéo, trùng lặp trong quá trình thực thi quyền lực giữa các cơ quan nhà nước, nhằm hạn chế hiệu lực, hiệu quả thực hiện quyền lực nhà nước được nhân

dân ủy quyền.

Xuất phát từ đòi hỏi khách quan nói trên, quyền lực nhà nước thường được lượng hóa, phân định thành các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Sự lượng hóa đó giao cho các cơ quan nhà nước khác nhau, thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước. Trong thực tiễn ở nước ta, cũng như các nước, quyền lập pháp được giao cho Quốc hội hay nghị viện, quyền hành pháp giao cho chính phủ, quyền tư pháp giao cho tòa án. Sự phân định như vậy, là điều kiện cơ bản để nhân dân giao quyền nhưng không bị lạm quyền, nhân dân kiểm soát và đánh giá hiệu lực, hiệu quả thực hiện quyền lực mà mình đã giao. Đồng thời cũng là để cho các cơ quan tương ứng được giao quyền để cao trách nhiệm trong việc thực hiện quyền lực nhà nước và tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực được giao của mình.

Quyền lập pháp là quyền đại diện cho nhân dân, thể hiện ý chí chung của quốc gia. Những người được nhân dân giao quyền này là những người do phổ thông, đầu phiếu bầu ra hợp thành là cơ quan Quốc hội hay nghị viện. Thuộc tính cơ bản xuyên suốt mọi hoạt động của quyền này là đại diện cho nhân dân, bảo đảm ý chí chung của nhân dân và được thể hiện trong các đạo luật mà mình là cơ quan duy nhất được nhân dân giao quyền biểu quyết thông qua luật. Quyền biểu quyết thông qua luật là quyền lập pháp. Đồng thời là người thay mặt nhân dân giám sát mọi hoạt động của nhà nước, nhất là hoạt động thực hiện quyền hành pháp để góp phần cho các quyền mà nhân dân giao cho các cơ quan nhà nước không bị lạm quyền, lạm quyền hay bị tha hóa quyền lực

Quyền hành pháp, quyền thực thi pháp luật. Quyền hành pháp là quyền tổ chức thực hiện ý chí chung của quốc gia, mà Chính phủ đảm trách. Thuộc tính cơ bản xuyên suốt mọi hoạt động của quyền này là hoạt động quản lý nhà nước, mà thực chất là tổ chức thực hiện pháp luật để đảm bảo an ninh, an toàn và phát triển xã hội. Không có một chính phủ quản lý hữu hiệu thì

¹⁶Jon Mills, *Luận về tự do*, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội, năm 2005, tr.127

¹⁷Jon Mills, *Luận về tự do*, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội, năm 2005, tr.131

không thể có một đất nước giàu có, phát triển, ổn định cả về kinh tế lẫn xã hội. Thực hiện quyền này, đòi hỏi chính phủ và các thành viên chính phủ phải nhanh nhạy, quyết đoán kịp thời và quyền uy tập trung thống nhất.

Quyền tư pháp là xét xử, được nhân dân giao cho tòa án, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là nguyên tắc xuyên suốt và cao nhất trong tổ chức, thực hiện quyền này. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân không được can thiệp vào hoạt động xét xử của tòa án. Đây thực chất là quyền bảo vệ ý chí chung của quốc gia bằng việc xét xử các hành vi vi phạm Hiến pháp, luật từ phía công dân và cơ quan nhà nước. Vì vậy, bảo vệ pháp luật, công lý, công bằng, tự do của công dân là trách nhiệm hàng đầu của quyền tư pháp. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tính pháp quyền và công lý trong các phán quyết của tòa án.

Như vậy, xuất phát từ đặc điểm của quyền lực nhà nước, việc phân định ba quyền nói trên là nhu cầu khách quan. Ngày nay xu hướng phân định rạch ròi, rành mạch ba quyền đó ngày càng được coi trọng trong tổ chức quyền lực nhà nước. Bởi vì, xã hội càng phát triển, phân công lao động càng phải chuyên môn hóa cao nhằm phát huy hiệu quả quyền lực nhà nước. Đồng thời xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta chỉ ra rằng việc phân định rành mạch ba quyền là cách thức tốt nhất để phát huy vai trò nhà nước trong việc xây dựng và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, như trên đã phân tích, nhà nước ta quyền lực nhà nước là thống nhất, đó là sự thống nhất về mục tiêu chính trị. Vì vậy, việc phân định quyền lực nhà nước không chứa đựng và bao quát cả việc phân lập mục tiêu chính trị

chung của quyền lực nhà nước. Do vậy, mặc dù có sự phân định cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp không hoàn toàn tách biệt nhau, mà “ràng buộc nhau”, phối hợp với nhau, hoạt động một cách nhịp nhàng trên cơ sở làm đúng, làm đủ chính xác nhiệm vụ và quyền hạn mà nhân dân giao cho, mỗi quyền được Hiến pháp - đạo luật gốc của nhà nước và xã hội quy định. Mục đích của việc phân công quyền lực nhà nước để nhằm kiểm soát quyền lực nhà nước và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải để thỏa hiệp hay chia rẽ quyền lực nhà nước giữa các quyền, ý nghĩa của sự phân công quyền lực nhà nước là để phân định nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan trong bộ máy nhà nước để nhà nước hoạt động có hiệu quả và hiệu lực, bảo đảm quyền lực nhà nước sáng suốt, mạnh mẽ của nhân dân.

Tóm lại, hiện nay, chúng ta chuẩn bị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước ta bảo đảm tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể tối cao quyền lực nhà nước. Vì vậy, quyền lực nhà nước thống nhất thuộc về nhân dân. Nhằm bảo đảm hiệu quả, hiệu lực trong quá trình thực thi quyền lực nhà nước, phải có sự phân công, phối hợp, chính là cơ chế vận hành quyền lực nhà nước có hiệu quả và dân chủ. Song song việc phân công phải có cơ chế kiểm soát quyền lực, để tránh sự “tha hóa” quyền lực, trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhân dân thực sự là chủ thể tối cao quyền lực Nhà nước, quyền lực Nhà nước do nhân dân ủy thác và giám sát với mục đích cuối cùng “Quyền hành lực lượng đều ở dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

